

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 94/2020/DS-ST
Ngày: 01 - 7 - 2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thành Quyền;
2. Ông: Huỳnh Mẫn Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2020:

1. Nguyên đơn: **Thái Kim P**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp A1, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của Thái Kim Phụng là: Trần Kim H, sinh năm 1985. Trú tại ấp A1, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang là đại diện theo ủy quyền.

2. Bị đơn: **Lâm Văn Đ**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Thái Kim P và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn có cho bị đơn Lâm Văn Đ vay các số tiền như sau:

- Ngày 19.3.2014 cho vay 30.000.000 đồng;
- Ngày 12.5.2014 cho vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 06.6.2014 cho vay 5.000.000 đồng;

Tổng cộng vay 45.000.000 đồng, được xác lập bằng giấy cầm cố nhà đất lập ngày 19.3.2014, lãi suất 6% tháng, thời hạn vay 6 tháng. Khi cho vay nguyên đơn có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00311, cấp cho Lâm Xuân V ngày 25.7.2005, sau khi vay bị đơn có đóng lãi 13.000.000 đồng, đến tháng 12/2014 thì không đóng đến nay.

Ngày 21.4.2015 bị đơn có cam kết tại UBND xã Thanh Hòa trả vốn 45.000.000 đồng và lãi 15.000.000 đồng (từ tháng 12/2014 đến 21.4.2015), tổng cộng 60.000.000 đồng, sau đó bị đơn trả 5.000.000 đồng, xem như bị đơn đóng lãi được 18.000.000 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết: buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 55.000.000 đồng vốn và lãi suất theo quy định từ ngày 21.4.2015 đến nay, nguyên đơn sẽ trả lại giấy đất tên Lâm Xuân V cho bị đơn. Đại diện nguyên đơn xác định, dù trong giấy cầm cố nhà đất có chữ ký của nhiều người nhưng chỉ một mình bị đơn Đ là người trực tiếp vay tiền và là người nhận tiền nên chỉ yêu cầu bị đơn Đ có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, không yêu cầu những người còn lại.

Quá trình tố tụng bị đơn Lâm Văn Đ trình bày: thừa nhận vào năm 2014 có vay nguyên đơn 3 lần với số tiền 45.000.000 đồng. Nguyên đơn có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00311, cấp cho Lâm Xuân V (cha bị đơn đã mất). Về tiền lãi, ngoài 18.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày thì bị đơn còn có một lần đóng 4.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả nguyên đơn 45.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất từ khi vay đến nay theo quy định, đồng thời yêu cầu khấu trừ lãi đã đóng là 22.000.000 đồng vào tổng số lãi, nếu còn dư yêu cầu khấu trừ vào nợ gốc, do khó khăn nên xin được trả dần dần. Về nghĩa vụ trả nợ, bị đơn xác định trong giấy cầm cố nhà đất có các thành viên trong gia đình cùng ký tên là để chứng kiến cho bị đơn vay tiền chứ số tiền vay là do một mình bị đơn nhận tiền và bị đơn sẽ chịu trách nhiệm trả nguyên đơn mà không yêu cầu những người có ký tên cùng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: xét Giấy cầm cố nhà đất lập ngày 19.3.2014, được các ông, bà Lâm Xuân V, Phạm Thị Ng, Lâm Văn Đ, Lâm Trung Th và Lâm Ngọc Đ cùng tham gia ký kết nhưng bản chất giấy này là xác định khoản nợ vay ba lần số tiền 45.000.000 đồng. Vì tại phiên tòa các đương sự cùng xác định: giấy cầm cố nhà đất có nhiều người cùng ký tên nhưng người trực tiếp vay và nhận tiền là bị đơn Lâm Văn Đ, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn Trả, bị đơn cũng đồng ý trả mà không yêu cầu các người ký tên cùng trả. Xét các bên thực hiện nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí trung thực, không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự theo quy định tại Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, phía nguyên đơn tự nguyện trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00311, cấp ngày 25.7.2005 cho Lâm Xuân V. Sự tự nguyện này của nguyên đơn được ghi nhận, các bên không yêu cầu gì về vấn đề cầm cố nhà đất nên không đặt ra xem xét và việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người ký tên trên nên không cần thiết phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy: các đương sự thống nhất được số tiền gốc giao kết ban đầu là 45.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận 6%/tháng, đến ngày 21.4.2015 bị đơn cam kết trả nguyên đơn 60.000.000 đồng (bao gồm tiền lãi) là chưa đúng vì chưa được Bộ luật dân sự năm 2005 quy định nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền gốc như cam kết là không có căn cứ chấp nhận mà chỉ có căn cứ buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 45.000.000 đồng tiền gốc đã nhận.

[4] Về số tiền lãi đã đóng: các bên trình bày không thống nhất, nguyên đơn cho rằng lãi đã đóng là 18.000.000 đồng, bị đơn đơn cho rằng ngoài 18.000.000 đồng thì bị đơn có đóng thêm 4.000.000 đồng nhưng không được làm giấy tờ gì, lời trình bày này không được nguyên đơn thừa nhận, ngoài ra bị đơn cũng không còn chứng cứ nào chứng minh đóng thêm 4.000.000 đồng nên số tiền lãi đã đóng chỉ được công nhận là 18.000.000 đồng.

[4.1] Đối với bị đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định, nếu đóng thừa thì trừ vào nợ gốc: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ. Bởi lẽ, lãi suất các bên thỏa thuận 6% tháng là đã vượt quá cao so với quy định, do đó lãi suất sẽ được xác định lại theo lãi suất cơ bản từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền đã đóng vượt sẽ được khấu trừ lại, nếu còn thừa sẽ được tiếp tục khấu trừ vào nợ gốc và nếu còn thiếu thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục đóng thêm cho nguyên đơn.

[4.2] Về mốc thời gian để tính lãi: qua các ngày vay là 19/3; 12/5 và ngày 06.6.2014, tại phiên tòa các đương sự thống nhất chung mốc thời gian bắt đầu tính lãi số tiền 45.000.000 đồng là ngày 19.4.2014. Sự thống nhất giữa các đương sự không vi phạm pháp luật nên được ghi nhận.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01, ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp trên được chia làm hai khoảng thời gian tính lãi:

- Đối với khoảng thời gian từ ngày 19.4.2014 đến ngày 30.12.2016: áp dụng quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước qui định là 9%/năm, tức 0,75%/tháng. Theo quy định của pháp luật thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản. Như vậy, lãi suất trường hợp này chỉ cho phép được tính tối đa là 1.12%/tháng; Do đó lãi suất sẽ được điều chỉnh lại như sau: từ ngày 19.4.2014 đến ngày 30.12.2016 là 32 tháng 11 ngày:

$$45.000.000đ \times 1.12\%/tháng \times 32 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 16.312.800 \text{ đồng (1)}$$

- Đối với khoảng thời gian từ ngày 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm: Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01, ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất các bên thỏa thuận 6%/tháng (72%/năm) là đã vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên sẽ được điều chỉnh lại lãi suất theo quy định là 1.5%/tháng (18%/năm). Do đó lãi suất sẽ được tính như sau: từ 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng:

$$45.000.000đ \times 1.5\%/tháng \times 42 \text{ tháng} = 28.350.000 \text{ đồng (2)}$$

Tiền lãi đối với hai khoảng thời gian: (1) + (2) là 44.662.800 đồng nhưng bị đơn đã đóng được 18.000.000 đồng, số lãi còn lại phải đóng là 26.662.800 đồng. Như vậy có căn cứ buộc bị đơn trả nguyên đơn 45.000.000 đồng nợ gốc và 26.662.800 đồng tiền lãi.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản tranh chấp: $71.662.800đ \times 5\% = 3.583.140$ đồng nhưng do ông Đ có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa xác nhận nên được xem xét giảm 50% án phí, số tiền còn lại phải nộp là 1.791.570 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471, 476 Bộ luật

dân sự năm 2005, các Điều 3, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lâm Văn Đ có nghĩa vụ trả bà Thái Kim P tổng số tiền 71.662.800đ (bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm đồng). Trong đó nợ gốc 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), lãi suất 26.662.800đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm đồng).

Bà Thái Kim P có nghĩa vụ trả lại Lâm Văn Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00311, cấp ngày 25.7.2005 cho Hộ ông Lâm Xuân V.

-Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lâm Văn Đ phải nộp 1.791.570đ (một triệu bảy trăm chín mươi một ngàn năm trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm